

Bản án số: 82/2018/DS-PT

Ngày: 24 - 4 - 2018

*V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ
dân sự và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Võ Minh Triều

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Thuần

Ông Võ Văn Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông Cao P Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ dân sự và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2018/QĐPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Ngô Văn L, sinh năm: 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 14 T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân. Địa chỉ: Số 12 X, Khu phố 5, phường B, thành phố R tỉnh Kiên Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2018 (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã TC, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà Nguyễn Thị Kim A. Địa chỉ: Khu phố 3, Thị trấn T3, huyện B, tỉnh Kiên Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 10/02/2017 (có mặt).

2. Bị đơn:

- Ông Trịnh Thanh T, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã B, huyện CT, Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 79b, đường SV, Khu phố 5, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Nguyễn Hồng P, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã B, huyện CT, Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P: Ông Trịnh Thanh T, sinh năm 1971. Theo giấy ủy quyền ngày 21/4/2016 và ngày 14/02/2017.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà P: Luật sư Trần Minh D – Văn phòng Luật sư Trần Minh Hùng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trịnh Thanh T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Hồng P, sinh năm 1977.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Ngô Văn L và người đại diện hợp pháp của ông L trình bày: Vào khoảng tháng 5/2010 đến năm 2014, ông Hà Văn Khắc mua nước đá của ông Ngô Văn L nhiều lần còn nợ số tiền 246.976.000 đồng. Do ông Khắc không thanh toán tiền cho ông L nên ông L yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Tại Biên bản ngày 18/8/2014 của Công an xã VP, huyện CT, vợ chồng ông T, bà P nhận số nợ 246.976.000 đồng thay cho ông Khắc và đồng ý trả số tiền này cho ông L. Hai bên không thỏa thuận thời gian trả nợ cụ thể mà chỉ thỏa thuận khi nào bán được chiếc tàu biển số KG 47788 theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 48819/ĐK ngày 29/11/2011 do Sở Giao thông vận tải cấp cho bà Nguyễn Hồng P thì ông T, bà P có trách nhiệm trả tiền cho ông L, trong trường hợp nếu bán chiếc tàu trên không đủ tiền trả cho ông L thì hai bên sẽ tính tỷ lệ phần trăm để phân chia số tiền trả nợ cho ông L và ông Nguyễn Văn S, vì ngoài nhận nợ ông L, vợ chồng ông T, bà P còn nhận nợ ông S số tiền là 50.958.000 đồng. Tuy nhiên, do thời gian quá lâu ông T, bà P không bán tàu để trả nợ cho ông L mà cho người khác thuê tàu, điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà P phải trả cho ông số tiền 246.976.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và người đại diện hợp pháp của ông S trình bày: Vào năm 2008, ông S có bán tàu cho ông Khắc với số tiền là 200.958.000 đồng,

nhưng ông Khắc mới trả được 150.000.000 đồng, còn nợ lại 50.958.000 đồng. Sau đó, ông có yêu cầu ông Khắc trả cho ông số tiền này. Đến ngày 18/8/2014, tại Công an xã VP, huyện CT vợ chồng ông T, bà P đứng ra nhận nợ ông 50.958.000 đồng thay cho ông Khắc và cam kết khi nào bán được chiếc tàu biển mang biển số KG 47788 do bà Nguyễn Hồng P đứng tên thì sẽ thanh toán nợ cho ông nhưng đến nay mặc dù ông T, bà P đã bán chiếc tàu cho người khác nhưng vẫn chưa trả nợ cho ông. Do đó ông khởi kiện yêu cầu ông T, bà P phải trả cho ông số tiền 50.958.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Đối với yêu cầu phản tố của ông T, bà P cho rằng, do ông L khởi kiện ông bà nên ông Năm mới hủy hợp đồng thuê tàu và đòi lại số tiền sửa chữa tàu là 370.000.000 đồng, do đó vợ chồng ông T đã bán tàu trả cho ông Năm số tiền trên, còn dư lại số tiền 30.000.000 đồng ông bà yêu cầu chia trả nợ theo tỷ lệ số tiền ông bà nợ ông L, ông S và số tiền ông T vay ngân hàng cho ông Khắc mượn. Tuy nhiên, yêu cầu này không được ông L, ông S chấp nhận vì các ông không có lỗi trong việc ông Năm hủy hợp đồng thuê tàu với ông T, bà P, việc thuê tàu là giao dịch giữa ông T, bà P với ông Năm, không liên quan đến các ông, hơn nữa trong biên bản cam kết tại Công an xã Vĩnh Hòa Phú cũng không có phần tiền và tỷ lệ ông T, bà P được hưởng khi bán chiếc tàu, do đó ông L, ông S không thống nhất với yêu cầu và cách thức trả nợ của ông T.

Bị đơn ông Trịnh Thanh T, đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Hồng P trình bày: Vào ngày 18/8/2014, vợ chồng ông có làm thủ tục tại Công an xã VP, huyện CT để lấy chiếc tàu biển mang biển số KG 47788. Trước đây chiếc tàu này do ông Hà Thanh Khắc đứng tên, do ông Khắc cần vay tiền nên sang tên chiếc tàu cho vợ ông đứng tên để vợ chồng ông vay ngân hàng số tiền 180.000.000 đồng cho ông Khắc mượn. Do ông Khắc không có tiền trả cho ngân hàng cũng như thanh toán tiền nợ cho ông L và ông S nên ông Khắc đã thống nhất giao chiếc tàu này cho vợ chồng ông T và ông T, bà P đứng ra nhận nợ ông L số tiền 246.976.000 đồng và nhận nợ ông S số tiền 50.958.000 đồng thay cho ông Khắc. Tại biên bản làm việc ở Công an xã Vĩnh Hòa Phú ông bà cam kết khi nào bán được chiếc tàu sẽ trả nợ cho ông L và ông S. Trường hợp nếu bán tàu không đủ tiền trả thì các bên sẽ tính tỷ lệ phần trăm để phân chia số tiền trả nợ. Đến tháng 02/2016, ông T có gặp ông L và ông S để thương lượng việc bán chiếc tàu để thanh toán nợ cho hai ông nhưng việc thương lượng không thành do anh L và ông S không thỏa thuận được. Ông T xác định chiếc tàu mang biển số KG 47788 là tài sản của vợ chồng ông, không phải của ông Khắc nữa. Hiện nay chiếc tàu này ông bà đã bán cho bà Nguyễn Thị Tâm với số tiền 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông T, bà P thừa nhận nợ ông L số tiền 246.976.000 đồng và nợ ông S số tiền 50.958.000 đồng. Tuy nhiên ông T yêu cầu ông L phải chịu trách nhiệm bồi thường cho ông Năm số tiền sửa chữa tàu là 370.000.000 đồng, do trước đây ông L giới thiệu ông Năm thuê tàu của vợ chồng ông và việc ông Năm hủy hợp đồng thuê tàu là do ông L khởi kiện vợ chồng ông ra Tòa án. Số tiền bán tàu còn lại là 30.000.000 đồng thì chia theo tỷ lệ nợ, cụ thể trả ông L số tiền 15.504.000 đồng (tương đương số nợ chiếm tỷ lệ 51,68%); trả ông S số tiền 3.198.000 đồng (tương đương số nợ chiếm tỷ lệ 10,66%) và trả vợ chồng ông T số tiền 11.300.000 đồng (tương đương số tiền ông T vay ngân hàng cho ông Khắc mượn chiếm tỷ lệ 37,66%). Ông T xác nhận trong biên bản cam kết tại công an xã Vĩnh Hòa Phú ngày 18/08/2014 không ghi số tiền và tỷ lệ tiền vợ chồng ông được hưởng khi bán chiếc tàu, do ông tin tưởng ông S và ông L nên chỉ thỏa thuận miệng với nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất không yêu cầu ông Khắc phải có trách nhiệm trả nợ cho ông L và ông S, đồng thời không yêu cầu đưa ông Khắc, ông Năm tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Luật sư Trần Minh Hùng yêu cầu: Buộc ông L phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Năm số tiền thiệt hại do hủy hợp đồng thuê tàu là 370.000.000 đồng, vì ông L là người giới thiệu ông Năm thuê tàu của ông T và việc ông L khởi kiện ông T, bà P tại Tòa án đã dẫn đến việc ông Năm hủy hợp đồng thuê tàu, buộc vợ chồng ông T phải trả số tiền 370.000.000 đồng. Mặt khác, do chiếc tàu được sửa chữa, nâng cấp nên ông T mới bán được 400.000.000 đồng, như vậy số tiền 370.000.000 đồng vừa là tiền bồi thường thiệt hại vừa là tiền ông Năm đã bỏ ra để sửa chữa chiếc tàu. Do đó, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét trách nhiệm của ông L trong việc bồi thường số tiền trên cho ông Năm đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà P; đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm còn vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như: không xem xét thẩm định giá chiếc tàu để xác định giá trị trước và sau khi sửa chữa chiếc tàu; không đưa ông Hà Thanh Khắc tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đối chất với các bên làm rõ số tiền ông T, bà P nhận nợ thay và vay ngân hàng cho ông Khắc đã không đảm bảo giải quyết toàn diện vụ án, do đó yêu cầu hủy bản án sơ thẩm giao cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết, Luật sư đề nghị chấp nhận yêu cầu phán tố của bị đơn buộc ông L có trách nhiệm bồi thường cho Năm số tiền 370.000.000 đồng. Đối với số tiền ông T, bà P nợ ông L, ông S, luật sư không có ý kiến, thống nhất với P án trả nợ của ông T đưa ra.

Tại bản án sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 27/11/2017, Tòa án nhân dân huyện CT quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn L và ông Nguyễn Văn S.

Buộc ông Trịnh Thanh T và bà Nguyễn Hồng P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ngô Văn L số tiền 246.976.000 đồng (hai trăm bốn mươi sáu chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) và ông Nguyễn Văn S số tiền 50.958.000đ (năm mươi triệu chín trăm năm mươi tám ngàn đồng), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật và trả một lần, các bên không yêu cầu tính lãi suất.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn vợ chồng ông Trịnh Thanh T và bà Nguyễn Hồng P yêu cầu ông Ngô Văn L chịu trách nhiệm bồi thường số tiền 370.000.000đ (ba trăm bảy mươi triệu đồng) do hủy hợp đồng thuê P tiện thủy nội địa với ông Nguyễn Văn Năm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng khác và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/12/2017, bị đơn ông Trịnh Thanh T và bà Nguyễn Hồng P kháng cáo bản án sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T, bà P vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện hợp pháp của ông L và ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên - đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát tại phiên tòa nhận định: Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đại diện Viện Kiểm sát nhận định không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện CT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Văn L, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Hồng P vắng mặt lần thứ hai và có người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng, do đó căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L, ông S và bà P.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo biên bản ngày 18/8/2014 của Công an xã Vĩnh Hòa Phú, huyện CT, tỉnh Kiên Giang, theo lời khai của các đương sự và ông Hà Thanh Khắc thì ông T, bà P có

nhận nợ ông L số tiền 246.976.000 đồng và ông S số tiền 50.958.000 đồng thay cho ông Khắc. Do ông T, bà P không trả nợ nên ông L và ông S khởi kiện ông bà yêu cầu trả số tiền trên và không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận có nhận nợ ông L và ông S thay cho ông Khắc và thống nhất trả nợ cho hai ông. Bị đơn cho rằng chiếc tàu biển mang biển số KG 47788, theo giấy chứng nhận đăng ký P tiền thủy nội địa số 48819/ĐK, ngày 29/11/2011 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Nguyễn Hồng P đứng tên, vợ chồng ông đã bán được số tiền 400.000.000đ, ông đã bồi thường thiệt hại cho ông Năm 370.000.000 đồng là tiền sửa chữa tàu khi cho ông Năm thuê, nên chỉ còn lại 30.000.000 đồng thì phải chia theo tỷ lệ nợ như sau:

- Phần của ông Ngô Văn L số tiền 15.504.000 đồng.
- Phần của ông Nguyễn Văn S số tiền 3.198.000 đồng.
- Phần của vợ chồng ông T số tiền 11.300.000 đồng. Đây là số tiền của ông vay của Ngân hàng cho ông Khắc mượn.

Tuy nhiên phương án trả nợ của ông T đưa ra không được các nguyên đơn thống nhất.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông T, bà P tự nguyện mua lại chiếc tàu biển mang biển số KG 47788 của ông Hà Thanh Khắc và nhận nợ ông L số tiền 246.976.000 đồng, nhận nợ ông S số tiền 50.958.000 đồng thay cho ông Khắc là sự thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện của ông L, ông S, ông Khắc và vợ chồng ông và phù hợp với quy định tại Điều 315 Bộ luật Dân sự năm 2005, do đó ông T, bà P phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông L và ông S. Việc bị đơn cho rằng sau khi lấy chiếc tàu của ông Khắc, qua sự giới thiệu của ông L, ông T, bà P mới cho ông Nguyễn Văn Năm thuê tàu nên ông L biết rõ việc con tàu phải sửa chữa mới hoạt động được và giữa ông T, ông L và ông Năm có thỏa thuận việc nếu bán tàu thì số tiền bán được sẽ phân chia theo tỷ lệ nợ của ông L, ông S và số nợ ông T vay ngân hàng cho ông Khắc vay lại. Tuy nhiên, qua lời khai của ông L và ông Năm xác định việc ông T cho ông Năm thuê tàu nội dung thỏa thuận cụ thể như thế nào và việc công chứng hợp đồng thuê tàu giữa ông Năm với ông T, bà P ông L không hay biết. Việc vợ chồng ông T cho ông Năm thuê tàu và thực hiện sửa chữa tàu, cũng như việc vợ chồng ông T trả tiền cho ông Năm là sự thỏa thuận giữa ông T, bà P và ông Năm, các ông không biết và không chịu trách nhiệm đối với số tiền ông T đã trả cho ông Năm khi hủy hợp đồng thuê tàu. Qua lời khai của ông Năm thì số tiền ông sửa chữa tàu hết khoảng 520.000.000 đồng nhưng thỏa thuận cuối cùng ông Năm chỉ yêu cầu ông T trả cho ông 370.000.000 đồng, ông T đã trả xong nên giữa ông và ông T, bà P không còn quan hệ vay mượn, ông cũng không biết việc ông T nợ tiền ông L và ông S nên ông

không liên quan gì trong vụ án. Từ những lời khai trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng ông L, ông S phải có trách nhiệm trả số tiền sửa chữa tàu cho ông Năm là không có cơ sở vì đây là thỏa thuận giữa ông T, bà P và ông Năm, ông L không biết. Hợp đồng thuê tàu cũng chỉ thể hiện quyền và nghĩa vụ của hai bên mà không có bất kỳ điều khoản nào liên quan đến thỏa thuận phân chia nợ hay trách nhiệm của ông L, ông S phải trả tiền sửa chữa tàu cho ông Năm. Ông T cho rằng giữa ông và ông L, ông S, ông Khắc có thỏa thuận phân chia trách nhiệm trả nợ theo tỷ lệ nợ nhưng ông L, ông S không thừa nhận, ông T, bà P cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh có nội dung thỏa thuận như ông T trình bày nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng cần thiết phải giám định chiếc tàu và đưa ông Hà Thanh Khắc tham gia tố tụng để làm rõ số tiền ông T, bà P nhận nợ và vay ngân hàng cho ông Khắc, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải giám định chiếc tàu vì hiện nay chiếc tàu biển số KG 47788 ông T, bà P đã bán cho người khác và ông L, ông S chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ sau khi đã bán tàu; mặt khác việc ông T, bà P nhận nợ ông L và ông S thay cho ông Khắc là thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ đã được hoàn thành kể từ thời điểm bên có quyền (ông L, ông S) đồng ý cho chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ bên có nghĩa vụ (ông Khắc) sang bên thế nghĩa vụ (ông T, bà P) theo quy định tại Điều 315 Bộ luật Dân sự năm 2005. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không yêu cầu giải quyết số tiền vay ngân hàng, đồng thời các đương sự không yêu cầu đưa ông Khắc tham gia tố tụng trong vụ án, tuy nhiên ông Khắc cũng có lời khai tại Tòa án xác định vấn đề nợ ông L, ông S và đã chuyển giao nợ cho ông T, bà P, do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của luật sư về việc hủy bản án sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện CT.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, xét nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

[4] Về án phí sơ thẩm: Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm.

Về án phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông T, bà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, Điều 148, Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 309, 315, 604 và Điều 605 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Thanh T và bà Nguyễn Hồng P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn L và ông Nguyễn Văn S.

Buộc ông Trịnh Thanh T và bà Nguyễn Hồng P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ngô Văn L số tiền 246.976.000 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) và ông Nguyễn Văn S số tiền 50.958.000đ (Năm mươi triệu chín trăm năm mươi tám ngàn đồng), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật và trả một lần, các bên không yêu cầu tính lãi suất.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn vợ chồng ông Trịnh Thanh T và bà Nguyễn Hồng P yêu cầu ông Ngô Văn L chịu trách nhiệm bồi thường số tiền 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) do hủy hợp đồng thuê P tiện thủy nội địa với ông Nguyễn Văn Năm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Trịnh Thanh T và bà Nguyễn Hồng P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 33.396.700 đồng nhưng ông T, bà P được khấu trừ vào số tiền 4.908.000 đồng đã tạm ứng theo biên lai thu số 0002602 ngày 28/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, ông T, bà P còn phải nộp thêm số tiền là 28.488.700 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm đồng).

Hoàn trả cho ông Ngô Văn L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 6.174.000 đồng (Sáu triệu một trăm bảy mươi tư ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007119 ngày 07/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 1.274.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi tư ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002694 ngày 07/2/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Án phí phúc thẩm: Ông Trịnh Thanh T và bà Nguyễn Hồng P mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000827 ngày 06/12/2017 và biên lai thu số 0000828 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 24/4/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THADS huyện CT;
- TAND huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Triều

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Thuận

Võ Văn Linh

Võ Minh Triều

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 21 tháng 3 năm 2018.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Võ Minh Triều

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tấn

Ông Phan Văn Thuận

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 216/2017/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử đất*” giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng Thuận, sinh năm 1961 (có mặt);

Bà Văn Thị Đẹp, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Phan Hoàng Oanh, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Xuyên, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Hoàng Oanh và bà Nguyễn Thị Xuyên: Ông Phan Hoàng Ba, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp 1, xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải tỉnh Kiên Giang;

Địa chỉ: Ấp 1, xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Hoàng S. Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Kiên Hải.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Khánh. Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Kiên Hải tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Các thành viên Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 những vấn đề sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 12, Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phan Hoàng Oanh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Xuyên.

Hủy bản án sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải xét xử tranh chấp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Lê Hoàng Thuận, bà Văn Thị Đẹp với bị đơn ông Phan Hoàng Oanh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: được xử lý khi giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Hoàng Oanh, bà Nguyễn Thị Xuyên được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (do Phan Hoàng Ba nộp thay) theo biên lai số 0000303 ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Hải tỉnh Kiên Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 21/3/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 45 phút, ngày 21 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tấn Phan Văn Thuấn

Võ Minh Triều

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THADS huyện Kiên Hải;
- TAND huyện Kiên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Triều